

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Mã ngành: 7340101

Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: **Bộ Giáo dục và Đào tạo**

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

1.1.1 Quá trình xây dựng và phát triển

Ngày 27 tháng 3 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 467/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM (UMT), có trụ sở chính đặt tại khu dân cư Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, TP. HCM. Đến ngày 02 tháng 6 năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1676/QĐ-BGDĐT cho phép Trường tổ chức hoạt động đào tạo. UMT là cơ sở giáo dục đại học tư thục trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

UMT được đầu tư xây dựng mới cơ sở vật chất, với kiến trúc hiện đại và bền vững, cùng đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có tinh thần khai phóng, có năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các thành tựu khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực thuộc Khoa học Quản lý và Công nghệ. Nguồn nhân lực do UMT đào tạo đáp ứng tốt không chỉ nhu cầu phát triển của TP.HCM mà còn trên phạm vi cả nước, của các công ty nội địa và các tập đoàn đa quốc gia. Mục tiêu dài hạn là xây dựng Trường trở thành một đại học tiên phong trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị phù hợp với thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0.

Ngay sau khi có Quyết định thành lập trường, UMT đã tổ chức xây dựng chiến lược đào tạo và xác định quy mô tuyển sinh của Trường, với sự tham dự của nhiều chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục, quản lý giáo dục, và doanh nghiệp ở các ngành nghề khác nhau. Dự kiến quy mô tuyển sinh trình độ đại học hàng năm sẽ tăng dần từ 500 sinh viên vào năm 2022 (năm đầu tiên khai giảng) đến 1500 sinh viên vào năm 2025; và kể từ 2028, Trường sẽ tiến

hành tuyển sinh khoảng 60 chỉ tiêu hệ cao học của ba ngành Quản trị kinh doanh, Nghệ thuật số, và Truyền thông đa phương tiện.

1.1.2 Các ngành, quy mô và hình thức đào tạo

Hiện nay, Trường đã thành lập 03 Khoa và 03 tổ Bộ môn đảm nhận các học phần cơ bản. Dự kiến từ năm học 2022-2023, Trường sẽ bắt đầu tuyển sinh 7 ngành trình độ đại học (Bảng 1).

Bảng 1. Các ngành đào tạo và Khoa quản lý chuyên môn

STT	Ngành đào tạo	Khoa quản lý chuyên môn
1	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh
2	Kinh doanh quốc tế	
3	Marketing	
4	Bất động sản	
5	Truyền thông đa phương tiện	
6	Thiết kế đồ họa	Thiết kế
7	Công nghệ Thông tin	Công nghệ

Trường cũng đang xúc tiến tiến hành các hoạt động liên kết đào tạo với các trường Đại học uy tín trong nước và quốc tế, đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa các ngành trên cho học viên có nhu cầu.

1.1.3 Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm thực hành, thư viện, giáo trình

Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM có 04 cơ sở bao gồm:

Cơ sở 1 (trụ sở chính): Tọa lạc tại khu dân cư Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, TP.HCM (địa chỉ cũ: phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM), với tổng diện tích đất là 80.092 m², đảm bảo quy mô đào tạo ổn định sau 10 năm phát triển là 3.200 sinh viên phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng trường đã được Ủy ban nhân dân TP.HCM phê duyệt. Địa điểm xây dựng Trường đảm bảo môi trường giáo dục theo quy hoạch, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn của nhà nước và bảo đảm an toàn cho tất cả người học, nhà giáo và cán bộ nhân viên của Trường. Ngày 16/11/2020, Trường đã tiến hành Lễ khởi công xây dựng hạng mục công trình đầu tiên là tòa nhà phục vụ nghiên cứu và học tập gồm 9 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng 16.884 m². Công trình đang được gấp rút thi công, dự kiến hoàn công và đưa vào sử dụng trong năm 2021. Đây là cơ sở đào tạo chính, nơi đặt văn phòng hiệu bộ và các Khoa, Phòng, Ban chuyên môn của Trường. Quy mô gồm trên 32 phòng học, trong đó có 8 phòng học đa năng với 1200 chỗ ngồi, 3 phòng thực hành máy tính, studio, hội trường 400 chỗ ngồi, thư viện, và các phòng chức năng khác sẵn sàng phục vụ đào tạo bắt đầu từ năm học 2022-2023.

Trường cũng đã hoàn thành đầu tư xây dựng các sân bãi thể dục thể thao đưa vào sử dụng phục vụ các hoạt động đào tạo cũng như vui chơi, giải trí cho người học, bao gồm:

- (i) 01 sân bóng đá đa năng kích thước 85m×60m, đảm bảo cùng lúc tối đa là 28 người chơi;
- (ii) 01 sân bóng rổ kích thước 32m×19m, số lượng người chơi cùng lúc tối đa là 10 người;
- (iii) 01 sân bóng chuyền kích thước 24m×15m, số lượng người chơi cùng lúc tối đa là 12 người;
- (iv) 01 sân đa năng kích thước 30m×19m (sân bóng chuyền kết hợp sân tập bóng rổ), số lượng người chơi cùng lúc tối đa là 17 người.

Cơ sở 2: Tọa lạc tại số 11 đường số 35, khu phố 3, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, TP.HCM (địa chỉ cũ: số 11 đường số 35, khu phố 3, phường Cát Lái, quận 2, TP.HCM), với tổng diện tích sàn xây dựng là 7.463 m², có vị trí nằm gần kề trụ sở chính của Trường. Tại Cơ sở này, diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo là 2.900 m² phù hợp để bố trí các trung tâm, Viện nghiên cứu trực thuộc nhà trường, Thư Viện, 18 phòng học (2 giảng đường lớn), 3 phòng máy tính, phòng thực hành,.. cùng một số dịch vụ tiện ích phục vụ cho người học và giảng viên, nhân viên như cửa hàng tiện lợi, bãi xe, và dịch vụ ăn uống.

Cơ sở 3: Tọa lạc tại số 311-319 Gia Phú, phường 1, quận 6, TP.HCM, có tổng diện tích sàn xây dựng là 5.684 m². Cơ sở 3 hiện có diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo gần 3.000 m², bao gồm 21 phòng học có quy mô từ 50 đến 200 chỗ ngồi, 01 phòng studio, hội trường 450 chỗ ngồi, thư viện, văn phòng tuyển sinh, các phòng làm việc, và các phòng chức năng khác.

Cơ sở 4: Tọa lạc tại số 259B Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM (địa chỉ cũ: số 259B Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, TP.HCM), với tổng diện tích sàn xây dựng là 1.342 m². Cơ sở này nằm tại trung tâm TP.HCM, phù hợp tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn hoặc liên kết đào tạo quốc tế và đào tạo sau đại học. Cơ sở có 15 phòng học, 2 phòng thực hành máy tính, văn phòng tuyển sinh, các phòng làm việc, và phòng chức năng.

1.2 Giới thiệu về Khoa

Khoa Kinh doanh là khoa chủ lực của trường, được định hướng phát triển các ngành nghề đào tạo trong lĩnh vực kinh tế, quản lý và truyền thông theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Nguồn nhân lực đào tạo ra sẽ đóng góp vào nguồn nhân lực chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế cho thị trường lao động Việt Nam và các nước trong khu vực. Theo kế hoạch phát triển, đội ngũ nhân sự các giảng viên của Khoa Kinh doanh được yêu cầu tốt nghiệp từ các đại

học quốc tế có uy tín và lưu loát ngoại ngữ (Tiếng Anh). Khoa Kinh doanh, Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM có tên giao dịch quốc tế là: UMT Business School.

Trong giai đoạn đầu kế hoạch 3 năm, Khoa Kinh doanh gồm các bộ môn trực thuộc:

- (i) Quản trị kinh doanh
- (ii) Kinh doanh Quốc tế
- (iii) Bất động sản
- (iv) Tài chính – Kế toán
- (v) Marketing
- (vi) Truyền thông

Mỗi bộ môn phát triển và quản lý các ngành và chuyên ngành trực thuộc.

1.3 Sự cần thiết của việc mở ngành

1.3.1 Sự phù hợp với nhu cầu xã hội

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 252/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 8,0% - 8.5%/năm, GDP bình quân đầu người năm 2030 đạt khoảng 12.200 USD.

Nghị quyết số 136/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đã xác định vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; là vùng duy nhất hiện nay hội tụ đủ các điều kiện và lợi thế để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đặc biệt phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, tin học, công nghiệp dầu khí và sản phẩm hoá dầu; phát triển dịch vụ cao cấp, dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng; nghiên cứu, ứng dụng và triển khai khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao.v.v.

Trong giai đoạn 2020 đến 2025, mỗi năm TP.HCM cần khoảng 270.000 vị trí việc làm dành cho nguồn nhân lực liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh (QTKD). Với hơn 700.000 doanh nghiệp hiện nay và dự kiến phát triển lên 1 triệu doanh nghiệp vào năm 2025, nhu cầu lao động chất lượng cao có trình độ ĐH và giáo dục nghề nghiệp, có kỹ năng thực hành trong thị trường lao động tại các thành phố lớn và khu vực phát triển đô thị còn tương đối thấp. Đồng thời dưới áp lực của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, mỗi lo tụt hậu trình độ lao động và kỹ năng thực hành ngày càng hiện. Nhu cầu về nhân lực theo xu hướng nhân lực chất lượng cao "lao động tri thức" thay thế sức lao động bằng vận hành máy móc tự động hóa, rô-bốt, trí tuệ nhân tạo trở nên cấp thiết. Trước nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh, UMT chủ trương mở ngành QTKD trình độ đại học với chương trình

đào tạo được thiết kế có tính thực tiễn cao. Ngành học này đóng góp cho xã hội lực lượng lao động chất lượng cao có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện tại và tương lai.

1.3.2 Sự phù hợp với chiến lược phát triển của Trường

UMT đóng góp vào sự phát triển của Việt Nam thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển nghiên cứu khoa học, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu của xã hội theo chuẩn quốc tế. UMT coi trọng tinh thần khai phóng, tính năng động, sáng tạo, trung thực, tinh thần trách nhiệm, khả năng sống và làm việc trong môi trường cạnh tranh đa văn hóa. Với quan điểm con người là trung tâm của phát triển bền vững – đây chính là nền tảng làm nên sức hút của nhóm ngành kinh doanh nói chung và QTKD nói riêng.

QTKD là một trong những ngành thuộc chiến lược phát triển dài hạn của Trường và nhận được sự quan tâm từ phía doanh nghiệp. Đây cũng là ngành nghề đem lại thu nhập tiềm năng hấp dẫn, phát triển nghề nghiệp và cơ hội khởi nghiệp cao. QTKD bao gồm các môn học trang bị nền tảng kiến thức và kỹ năng nhằm phát triển năng lực để có thể vận hành và phát triển hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp. Ngành bao gồm các chuyên ngành: quản trị khởi nghiệp, thương mại điện tử, và hệ thống thông tin quản lý...

Sự phù hợp trong việc mở ngành QTKD đối với chiến lược phát triển của UMT được thể hiện qua những nội dung sau:

- UMT mở ngành QTKD với định hướng có tính thực tiễn cao, tích hợp với các ngành đào tạo khác; thể hiện sự kết nối và phối hợp đào tạo giữa UMT với các đơn vị, công ty, doanh nghiệp nhằm cung cấp lực lượng lao động chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh để đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế - xã hội.

- Ngành QTKD được xây dựng và phụ trách đào tạo bởi đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy, đào tạo, trình độ chuyên môn cao, tốt nghiệp từ nhiều trường đại học danh tiếng của Singapore, Australia, Mỹ, Anh, và Châu Âu... và các nhà quản lý đến từ khu vực doanh nghiệp. Do đó, CTĐT cập nhật có chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển và năng lực của UMT.

- UMT có yêu cầu cao về chuẩn đầu ra Tiếng Anh. Đây được xem như là một thế mạnh của UMT trong vai trò cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng tốt nhu cầu của nhà tuyển dụng trong và ngoài nước. Trong quá trình đào tạo, người học sẽ được chú trọng đào tạo ngoại ngữ và các học phần chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh. Đồng thời, khi tốt nghiệp sinh viên có trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương IELTS 5.5. Như vậy, ngoài việc được trang bị kiến thức chuyên môn, sinh viên còn có trình độ ngoại ngữ, giúp tăng cơ

hội việc làm, khả năng giao tiếp, làm việc với khách quốc tế cũng như cơ hội học tập nâng cao ở các chương trình quốc tế.

- Môi trường học tập của UMT có tính cá nhân hóa rất cao; hệ thống chăm sóc người học của UMT luôn nhất quán theo phương châm “lấy người học làm trung tâm”. Triết lý đào tạo của UMT luôn khẳng định được các tiêu chí: đào tạo công dân toàn cầu, tinh thần khai phóng, chú trọng thực học - thực nghiệp trên nền tảng tiêu chuẩn quốc tế bền vững. Những tiêu chí này hoàn toàn phù hợp để đào tạo những chuyên gia với nhiều tố chất cá nhân nổi bật phù hợp với công cuộc hội nhập quốc tế và quản lý phát triển kinh doanh như ngành QTKD. Với tầm nhìn trở thành trường đại học Việt Nam đạt chuẩn quốc tế và khu vực, chiến lược phát triển của Trường bao gồm lộ trình cho chương trình đào tạo đại học chất lượng cao, và hướng tới xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ trong tương lai. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu nền kinh tế thế giới, việc xây dựng chương trình đào tạo đại học ngành QTKD là một bước quan trọng để UMT đóng góp cho xã hội lực lượng cử nhân chất lượng cao có đủ kiến thức, kỹ năng và đạo đức đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội.

1.3.3. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia

TP.HCM là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế; là đầu tàu tạo động lực với sức hút và sự lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giữ vị trí quan trọng đối với sự phát triển chung của Việt Nam. Do đó việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao là yêu cầu cần thiết, khách quan trong việc xây dựng và phát triển TP.HCM. Vì thế Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015 – 2020 đã đề ra 7 trình độ phát triển của Thành phố, trong đó chương trình đầu tiên là nâng cao nguồn nhân lực.

Trung tâm Dự báo Nhu cầu Nhân lực và Thông tin Thị trường lao động TP.HCM đã khảo sát thường xuyên tình hình sử dụng lao động và nhu cầu tuyển dụng lao động tại doanh nghiệp, từ đó cập nhật cơ sở dữ liệu về nhu cầu nhân lực và phân tích diễn biến thông tin thị trường lao động. Từ kết quả dự báo xác định nhu cầu nhân lực có trình độ tại TP.HCM trong giai đoạn 2020 - 2025, dự kiến nhu cầu nhân lực 1 năm khoảng 270.000 việc làm (trong đó: lao động có trình độ đại học chiếm 13%, cao đẳng chiếm 15%, trung cấp chiếm 35%, sơ cấp nghề 20%). Nhu cầu nhân lực nhóm ngành dịch vụ tại TP.HCM giai đoạn 2020 - 2025 như sau:

- Ngành Tài chính - Tín dụng - Ngân hàng - Bảo hiểm là 10.800 việc làm mỗi năm;
- Thương mại là 8.100 việc làm mỗi năm;
- Truyền thông - Quảng cáo - Marketing cần 21.600 việc làm mỗi năm;
- Quản lý hành chính cần 10.800 việc làm mỗi năm

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 làm thay đổi nhanh chóng cơ cấu lao động và thị trường lao động. Thực tế, nguồn nhân lực của Việt Nam, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao thiếu hụt về số lượng, hạn chế về chất lượng và bất cập về cơ cấu dù Việt Nam đang ở trong thời kỳ cơ cấu “dân số vàng”, thời kỳ mà dân số trong độ tuổi lao động cao nhất (năm 2016, lực lượng lao động của cả nước đạt khoảng 54,4 triệu người, chiếm khoảng 58,9% tổng dân số). Theo nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã nhấn mạnh: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, tranh thủ những cơ hội và thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.

Ngành QTKD cũng có vị trí trọng yếu trong môi trường kinh doanh của Việt Nam có vai trò là công cụ hỗ trợ quan trọng trong hoạt động kinh doanh dẫn dắt và đảm bảo cho xã hội một môi trường kinh doanh công bằng và minh bạch. Đây là điều kiện góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững và môi trường thuận lợi trong hợp tác kinh tế quốc tế. Quá trình hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp các nước đang hợp tác và cạnh tranh vô cùng đa dạng với nhiều hình thức hoạt động kinh doanh khác nhau. Cơ hội việc làm và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực này đang mở ra tiềm năng to lớn cho ứng viên. Chính vì vậy, đào tạo nhân lực QTKD là một nhu cầu rất cấp thiết hiện nay.

Tuy vậy, mức cạnh tranh nghề nghiệp trong Ngành QTKD là khá lớn và thay đổi không ngừng. Do đó người học ngành này luôn phải học tập không ngừng, trau dồi kiến thức và cập nhật xu hướng hiện tại để bắt kịp nhu cầu thực tiễn. Các chuyên ngành Thương mại điện tử, Hệ thống thông tin và Quản trị khởi nghiệp đều là những chuyên ngành có chuẩn đầu ra phù hợp với Ngành QTKD; đồng thời có tiềm năng phát triển nghề nghiệp với mức thu nhập cao và đóng góp ý nghĩa cho sự phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tăng trưởng nhanh về công nghệ.

Phân tích trên cho thấy thực trạng nguồn cung nhân lực chất lượng cao Ngành QTKD còn rất hạn chế trong khi nhu cầu hiện nay còn rất nhiều mà chưa được đáp ứng theo quy hoạch đến năm 2025. Nhận thức được vấn đề này, UMT mở ngành đào tạo QTKD trình độ Cử nhân.

1.3.4. Kết quả khảo sát nhu cầu mở ngành Quản trị Kinh doanh

a. Thông tin đối tượng khảo sát

Để cung cấp thông tin làm cơ sở mở ngành đào tạo trình độ đại học QTKD, Tổ soạn thảo chương trình đào tạo đã thực hiện khảo sát 114 đối tượng nhằm đánh giá nhu cầu mở Ngành QTKD. Đối tượng khảo sát là những người đang làm việc tại các cơ quan doanh nghiệp và Sở ban ngành. Trong, 58,8% là nam và 41,2% là nữ với độ tuổi trung bình 26 (từ

24 – 49 tuổi). Trong đó, phần lớn có trình độ đại học (chiếm 93%) và sau đại học (6,1%), còn lại là trình độ cao đẳng (0,9%) đang làm việc đa dạng trong các lĩnh vực như: hành chính sự nghiệp, công nghiệp, nông nghiệp, giáo dục đào tạo.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ tin cậy trong nhận định, đánh giá về mức độ cần thiết mở Ngành QTKD trình độ đại học.

Bảng 2. Thông tin người được khảo sát

STT	Thông tin	Số người được khảo sát	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính		
	Nam	67	58,8
	Nữ	47	41,2
2	Trình độ chuyên môn		
	Cao đẳng	1	0,9
	Đại học	106	93,0
	Sau đại học	7	6,1
3	Lĩnh vực công tác, hoạt động		
	Hành chính sự nghiệp	16	14,0
	Công nghiệp	52	45,6
	Nông nghiệp – thủy sản	5	4,4
	Sản xuất – kinh doanh	16	14,0
	Giáo dục – đào tạo	20	17,5
	Lĩnh vực khác	5	4,5

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2021)

b. Mức độ cần thiết mở ngành đào tạo QTKD

Kết quả phân tích cho thấy, phần lớn người được khảo sát nhận định rằng mở ngành đào tạo QTKD là rất cần thiết (chiếm 50%) và cần thiết (chiếm 31,6%). Trong 02 năm gần đây các đơn vị có sử dụng lao động ngành QTKD (chiếm 40,4%). Mức độ áp dụng nhu cầu công việc tại các đơn vị chủ yếu ở mức trung bình (37,5%) và khá (47,9%). Điều này cho thấy nguồn nhân lực QTKD hiện nay có chất lượng chưa cao. Do vậy công tác đào tạo cần chú trọng hơn về chất lượng đào tạo và mục tiêu chương trình đào tạo cần gắn kết với nhu cầu thực tế về sử dụng lao động của doanh nghiệp.

Kết quả khảo sát về mục tiêu chương trình đào tạo với các ý kiến rất cần thiết và cần thiết được sắp xếp theo thứ tự sau:

- Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác (mục tiêu 6; 84,2%);
- Làm chủ kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định (mục tiêu 4; 83,3%);
- Nhận dạng và giải quyết kịp thời vấn đề trong sản xuất kinh doanh (mục tiêu 3; 78,9%);

- Nhận diện cơ hội kinh doanh hấp dẫn và khởi nghiệp thành công (mục tiêu 5; 78,1%);
- Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với đặc điểm kinh doanh (mục tiêu 2; 78%);
- Hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động quản trị (mục tiêu 1; 74,6%).

Để nâng cao chất lượng đào tạo cần xác định mục tiêu đào tạo, kết hợp trang bị kiến thức chuyên môn với các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc như: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định và các kỹ năng mềm khác cùng với tăng cường khả năng ngoại ngữ, tạo điều kiện cho sinh viên được tham quan học tập tại doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên ngành QTKD sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng tư duy và nghề nghiệp cơ bản, cần thiết và sự tự tin chinh phục nghề nghiệp trong tương lai. Kết quả khảo sát trên đã cung cấp thông tin giúp Tổ soạn thảo chương trình đào tạo ngành QTKD trình độ đại học thiết kế nội dung chương trình đáp ứng được kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu xã hội.

Bảng 3. Mức độ cần thiết mở ngành, mục tiêu đào tạo ngành QTKD

STT	Nội dung	Rất cần thiết		Cần thiết		Không có ý kiến	
		Số người trả lời	%	Số người trả lời	%	Số người trả lời	%
I	Mức độ cần thiết mở ngành	57	50,0	36	31,6	21	18,4
II	Mục tiêu đào tạo ngành QTKD						
1	Hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động quản trị	32	28,1	53	46,5	29	25,4
2	Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với đặc điểm kinh doanh	33	28,9	56	49,1	25	21,9
3	Nhận dạng và giải quyết kịp thời vấn đề trong sản xuất kinh doanh	35	30,7	55	48,2	24	21,1
4	Làm chủ kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định	44	38,6	51	44,7	19	16,7
5	Nhận diện cơ hội kinh doanh hấp dẫn và khởi nghiệp thành công một tổ chức kinh doanh	39	34,2	50	43,9	25	21,9
6	Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác	53	46,5	43	37,7	18	15,8

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2021

c. *Cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD*

Nhu cầu nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao đang ở hiện trạng thiếu hụt; Ngành Quản trị kinh doanh là sẽ tiếp tục phát triển nhanh cho những năm tới. Sinh viên tốt nghiệp ngành này còn có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp trong các bộ phận nhân sự, hành chính, kinh doanh hoặc marketing (89,5%), có thể làm chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh (69,3%) hoặc quản lý nhà hàng, khách sạn (63,2%). Ngoài ra, chương trình cũng trang bị kiến thức, kỹ năng phân tích, tư duy phản biện, nên sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học lên những bậc học cao hơn; sau đó có thể tham gia công tác nghiên cứu và giảng dạy (53,5%).

Bảng 4. Cơ hội việc làm của sinh viên ngành QTKD

TT	Nội dung	Có		Không	
		Số người trả lời	%	Số người trả lời	%
1	Cơ hội việc làm				
	Quản lý các bộ phận nhân sự, hành chính, kinh doanh, marketing	102	89,5	12	10,5
	Làm chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh	79	69,3	35	30,7
	Quản lý nhà hàng, khách sạn	72	63,2	42	36,8
	Giám đốc điều hành, giám đốc tài chính	71	62,3	43	37,7
	Giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, viện kinh tế	61	53,5	53	46,5
2	Nhu cầu tuyển dụng ngành QTKD	69	60,5	45	39,5

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2021

Kết quả khảo sát cho thấy, có 60,5% đơn vị có nhu cầu tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD với số lượng cần tuyển trung bình là 2 lao động (thấp nhất 01 lao động, cao nhất 05 lao động). Ngoài ra 39,5% đơn vị không có nhu cầu tuyển dụng sinh viên ngành này chưa hoặc không có nhu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn về QTKD.

Tóm lại, nhu cầu nhân lực ngành QTKD ở TP.HCM nói riêng và Việt Nam nói chung còn khá lớn, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Để đáp ứng nhu cầu thị trường, việc mở Ngành QTKD của UMT là cần thiết. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức chuyên môn song hành với ứng dụng thực tiễn, xây dựng kỹ năng làm việc và tư duy hiện đại giúp sinh viên có đủ kiến thức, kỹ năng chuyên nghiệp để làm việc ngay khi tốt nghiệp mà doanh nghiệp không phải đào tạo lại.

1.3.5 Những căn cứ xây dựng Đề án mở ngành QTKD

- Luật số 34/2018/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học.
- Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 hợp nhất Luật giáo dục đại học do văn phòng Quốc hội ban hành.
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội thông qua thay thế Luật Giáo dục năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009.
- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
- Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình độ, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.
- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.
- Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.
- Về nội dung, chương trình được thiết kế trên cơ sở tham khảo các Chương trình đào tạo ngành QTKD của các trường uy tín trong nước đã đạt chuẩn kiểm định quốc tế ACBSP (*Hội đồng kiểm định các trường học và chương trình đào tạo về kinh doanh, Hoa Kỳ*): Đại học FPT, Đại học Hoa Sen, Đại học Duy Tân- Đà Nẵng. Ngoài ra chương trình được thiết kế dựa trên cơ sở tham khảo các trường kinh doanh hàng đầu của Mỹ trong bảng xếp hạng The Times Top 100 năm 2021 trong lĩnh vực QTKD bao gồm: ĐH Pennsylvania (xếp hạng thứ 13), Đại học Columbia (xếp hạng thứ 17) và Đại học Cornell (xếp hạng thứ 19). Đối sánh chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh

doanh của UMT so với các trường trong nước và ngoài nước được mô tả trong **Phần II. Chuẩn đầu ra.**

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1 Năng lực của đơn vị đào tạo

2.1.1. *Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của Trường*

a. *Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường tham gia giảng dạy các học phần của ngành QTKD*

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành Quản trị Kinh doanh gồm 10 giảng viên, trong đó:

- 02 Tiến sĩ (02 ngành Kinh tế)
- 08 Thạc sĩ cùng ngành QTKD

b. *Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu*

Khoa có 01 kỹ thuật viên phụ trách hướng dẫn thực hành máy tính cho sinh viên.

2.1.2 *Điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập*

a. *Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy*

Trường hiện có 68 phòng học và giảng đường, với tổng diện tích hơn 6400 m², sức chứa hơn 2500 ghế ngồi, 02 hội trường với tổng diện tích hơn 1200 m², sức chứa hơn 850 ghế ngồi; trang thiết bị hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy tại các phòng học và giảng đường gồm 25 hệ thống âm thanh, 8 LCD và 25 máy chiếu cho các giảng đường, hội trường.

b. *Phòng Thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành*

Trường có xưởng thực hành, studio và 02 phòng máy tính phục vụ cho giảng dạy thực hành.

c. *Thư viện và giáo trình*

Thư viện có tổng diện tích 141 m², trong đó diện tích phòng đọc là 120 m², số chỗ ngồi là 50, số lượng sách 1759, giáo trình điện tử là 325. Thư viện điện tử có địa chỉ <http://thuvienso.umt.edu.vn> với 325 tài liệu.

Điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập được thể hiện trong Bảng 5.

Bảng 5. Cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Phòng học, giảng đường, hội trường		
1.1	Phòng học	phòng	66
	Diện tích	m ²	6255
	Sức chứa	ghế	2350

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1.2	Giảng đường	phòng	2
	Diện tích	m ²	226
	Sức chứa	ghế	200
1.3	Hội trường	phòng	2
	Diện tích	m ²	1269
	Sức chứa	ghế	850
II	Thiết bị phục vụ giảng dạy		
	Máy chiếu (Projector)	cái	25
	Màn hình LCD trong phòng học	cái	8
	Hệ thống âm thanh	cái	25
III	Phòng máy tính thực hành		
	Số phòng	phòng	2
	Tổng diện tích	m ²	110
	Số máy sử dụng được	cái	82
	Số máy nối mạng ADSL	cái	82
IV	Phòng thực hành (xưởng vẽ, studio)		
4.1	Xưởng vẽ		2
	Diện tích	m ²	180
4.2	Studio	cái	1
	Diện tích	m ²	54
V	Thư viện		
	Diện tích	m ²	141
	Số đầu sách	sách	301
	Số cuốn	cuốn	1759
	Số máy tính phục vụ tra cứu chung	cái	0
	Thư viện số: http://thuvienso.umd.edu.vn	Tài khoản	0
		Tài liệu	325

2.1.3 Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

a. Nghiên cứu khoa học

Trong chiến lược phát triển, UMT luôn chú trọng các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Hoạt động NCKH góp phần khẳng định vai trò, vị thế và uy tín của trường cũng như nâng cao chất lượng đào tạo và hội nhập quốc tế. Mỗi công trình khoa học được gắn với tên Trường là một lần thương hiệu và uy tín của Trường được thể hiện.

Luật Giáo dục đại học và các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định rất chi tiết về nhiệm vụ quan trọng này. Đây là hoạt động có mối quan hệ hữu cơ với hoạt động đào tạo của UMT, và là một trong hai nhiệm vụ cơ bản chiến lược của Trường. Việc giảng viên, sinh viên trường tích cực tham gia các hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cần thiết để hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng được nhu

cầu ngày càng cao của xã hội. Đặc biệt, trong tiêu chí xếp hạng các trường đại học, tỷ lệ % hoạt động KHCN chiếm một tỷ lệ khá lớn.

Xác định rõ vị trí, vai trò của NCKH trong hoạt động của nhà trường, UMT coi trọng thành tựu nghiên cứu của giảng viên khi thực hiện công tác tuyển dụng. Mặc dù trường chưa chính thức giảng dạy, nhưng các giảng viên hiện đã và đang tham gia nhiều đề tài khoa học có tính thực tiễn cao, ứng dụng hiệu quả nhằm góp phần vào sự phát triển của nền khoa học và kinh tế - xã hội cả nước. Trường đã đóng góp một số đề tài nghiên cứu ở cấp Quốc gia, cấp cơ sở về lĩnh vực Khoa học tự nhiên, quản trị kinh doanh và quản lý. Bên cạnh việc tham gia nghiên cứu khoa học, các giảng viên UMT nói chung và Khoa Kinh doanh nói riêng chú trọng đăng tải các bài báo khoa học trong và ngoài nước. Đây là những nền tảng vững chắc nhằm thực hiện mục tiêu quốc tế hóa của Nhà trường trong những năm sắp đến.

b. Hợp tác quốc tế

Tuy mới thành lập nhưng nhà trường đã có nhiều định hướng cho hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và NCKH. Đội ngũ giảng viên của trường đa phần được đào tạo và đã từng làm việc tại các trường Đại học và Viện nghiên cứu lớn của các nước tiên tiến trên thế giới. Hiện tại các mối hợp tác này vẫn còn đang tiếp tục và sẽ là tiền đề tốt cho các hợp tác sâu rộng hơn trong tương lai.

2.2 Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 3,5 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 03 năm đầu:

Năm thứ	1 (2022)	2 (2023)	3 (2024)
Số sinh viên dự kiến tuyển được	100	150	200

- Điều kiện tốt nghiệp:
 - o Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chuẩn đầu ra của ngành học;
 - o Đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo;
 - o Hoàn tất các môn học và tích lũy đủ số tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo.

2.2.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo

a. Mục tiêu chung

Mục tiêu tổng thể chương trình cử nhân QTKD của UMT nhằm đào tạo người học trở thành các nhà chuyên môn trong lĩnh vực QTKD, nhà quản lý, doanh nhân tiềm năng, sáng tạo và làm việc được trong môi trường quốc tế.

b. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình cử nhân Ngành QTKD, người học đạt được:

Kiến thức:

- Kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội, kinh tế học, hành vi tổ chức, quản trị học, quản trị nhân sự, tư duy hệ thống và luật.
- Kiến thức về phương pháp và mô hình hiện đại trong hoạt động quản trị sáng tạo và khởi nghiệp; trong quản lý kinh doanh, marketing, quản lý chuỗi cung ứng, hệ thống thông tin quản lý và thương mại điện tử.
- Khả năng ứng dụng kiến thức về lĩnh vực Quản trị học, Quản trị sản xuất, Quản trị vận hành, Quản trị nhân sự, Quản trị dự án, Khởi nghiệp & sáng tạo, Hành vi tổ chức, Quản trị sự thay đổi .v.v. để triển khai thực hiện công việc điều hành và phát triển doanh nghiệp/cơ quan/tổ chức.
- Khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong quá trình tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn ở doanh nghiệp/tổ chức/cơ quan như: phân tích đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, phân tích và dự báo thị trường, lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch marketing và quản trị rủi ro.

Kỹ năng:

- Kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tự học, và kỹ năng xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng.
- Kỹ năng thành thạo trong sử dụng tin học, công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng hiện đại trong quản lý và kinh doanh.
- Kỹ năng sử dụng tiếng Anh lưu loát trong giao tiếp kinh doanh, trao đổi thư tín thương mại, hợp đồng thương mại quốc tế, và trong đàm phán với các đối tác kinh doanh quốc tế;
- Kỹ năng làm việc nhóm, phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhóm.

- Kỹ năng tư duy (tư duy hệ thống, logic, phản biện, sáng tạo), thích ứng với sự thay đổi và quản trị sự thay đổi và kỹ năng thích ứng linh hoạt trong môi trường đa văn hóa.

Thái độ:

- Tinh thần và ý thức làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện môi trường thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và nhóm, tận tâm, cởi mở, hòa đồng, chuyên nghiệp và kiểm soát cảm xúc.
- Ý thức tự chủ trong việc lập kế hoạch quản lý nguồn lực, đánh giá cải thiện hiệu quả hoạt động với tinh thần cải tiến liên tục; giám sát thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân.
- Tinh thần doanh nhân, đạo đức nghề nghiệp, học tập suốt đời để nâng cao trình độ; tinh thần bác ái và khai phóng, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt vì hiệu quả và sự phát triển của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan; tôn trọng các giá trị văn hóa, nhân văn vì sự phát triển tốt đẹp của cộng đồng và xã hội.

Trình độ tin học: Chứng chỉ MOS quốc tế hoặc tương đương.

Trình độ ngoại ngữ: đạt một trong các chứng chỉ Tiếng Anh sau:

- Chứng chỉ TOEIC quốc tế ≥ 600 điểm,
- Chứng chỉ TOEFL iBT ≥ 61 điểm hoặc TOEFL ITP ≥ 500 điểm;
- Chứng chỉ IELTS ≥ 5.5 điểm;
- Chứng chỉ Cambridge FCE ≥ 160 .

2.2.2 Chuẩn đầu ra

Kiến thức:

ELO1: Có khả năng ứng dụng kiến thức vững về lý luận chính trị, kinh tế học, hành vi tổ chức, quản trị học, quản trị nhân sự, tư duy hệ thống và luật.

ELO2: Ứng dụng được kiến thức về phương pháp và mô hình hiện đại trong hoạt động quản trị sáng tạo và khởi nghiệp; trong quản lý kinh doanh, marketing, quản lý chuỗi cung ứng, và thương mại điện tử.

ELO3: Có khả năng phân tích, tổng hợp và ứng dụng kiến thức về lĩnh vực Quản trị học, Quản trị sản xuất, Quản trị vận hành, Quản trị nhân sự, Quản trị dự án, Khởi nghiệp & sáng tạo, Hành vi tổ chức, Quản trị sự thay đổi .v.v. để triển khai thực hiện công việc điều hành và phát triển doanh nghiệp/cơ quan/tổ chức.

ELO4: Có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong quá trình tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn ở doanh nghiệp/tổ chức/cơ quan

nhu: phân tích đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, phân tích và dự báo thị trường, lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch marketing và quản trị rủi ro.

Kỹ năng

ELO5: Có kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tự học, và kỹ năng xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng.

ELO6: Có khả năng thành thạo việc sử dụng tin học, công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng hiện đại trong quản lý và kinh doanh.

ELO7: Có khả năng sử dụng lưu loát kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp kinh doanh, trao đổi thư tín thương mại, hợp đồng thương mại quốc tế, và trong đàm phán với các đối tác kinh doanh quốc tế;

ELO8: Thuần thục về kỹ năng làm việc nhóm, phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhóm, kỹ năng quản lý thời gian.

ELO9: Thuần thục về kỹ năng tư duy (tư duy hệ thống, logic, phản biện, sáng tạo), kỹ năng thích ứng với sự thay đổi và quản trị sự thay đổi, kỹ năng thích ứng linh hoạt trong môi trường đa văn hóa.

Thái độ (Mức tự chủ và trách nhiệm):

ELO10: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện môi trường thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và nhóm. Có tinh thần tận tâm, cởi mở, hòa đồng, chuyên nghiệp và kiểm soát được cảm xúc trong công việc.

ELO11: Lập kế hoạch quản lý nguồn lực, đánh giá cải thiện hiệu quả hoạt động với tinh thần cải tiến liên tục; giám sát thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân.

ELO12: Có tinh thần doanh nhân và đạo đức nghề nghiệp, tinh thần học tập suốt đời để nâng cao trình độ; trân trọng các giá trị văn hóa, nhân văn; có tinh thần bác ái và khai phóng, tôn trọng sự đa dạng khác biệt vì hiệu quả của tổ chức/doanh nghiệp, sự phát triển tốt đẹp của cộng đồng và xã hội.

Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Cử nhân Ngành QTKD có thể đảm nhận các vị trí chuyên viên, trưởng nhóm kinh tại các công ty, tập đoàn trong nước và ngoài nước. Trong tương lai, cử nhân ngành này của UMT có thể trở thành các quản lý cấp trung, quản lý điều hành, giám đốc kinh doanh. Họ cũng có thể bắt đầu quản lý các công ty của gia đình hay phát triển các dự án khởi nghiệp.

Các vị trí việc làm như sau:

- Chuyên viên kinh doanh
- Chuyên viên phát triển thị trường

- Chuyên viên nghiên cứu thị trường
- Trưởng nhóm giám sát kinh doanh
- Đại diện thương mại
- Trưởng/phó các phòng ban chức năng như: Phòng kinh doanh, Marketing, Hành chính nhân sự.
- Phụ trách các dự án khởi nghiệp
- Chuyên viên phân tích kinh doanh (Business Intelligent Analyst)
- CEO của các start up do chính mình sáng lập

2.2.3 Chương trình đào tạo

a. Khái quát chương trình

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy: **126 tín chỉ** (không bao gồm các học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất). Trong đó:

- Khối lượng kiến thức đại cương: 45 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 81 tín chỉ

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM.

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên và không có môn học không đạt (điểm D+, D, D-, F).
- Các học phần có điểm tổng kết môn học ≥ 4.0 (hệ 10)
- Có chứng chỉ chỉ tin học (chứng MOS quốc tế hoặc tương đương)
- Có một trong các chứng chỉ Tiếng Anh sau: (i) Chứng chỉ TOEIC quốc tế ≥ 600 điểm, (ii) Chứng chỉ TOEFL iBT ≥ 61 điểm hoặc TOEFL ITP ≥ 500 điểm; (iii) Chứng chỉ IELTS ≥ 5.5 điểm; (iv) Chứng chỉ Cambridge FCE ≥ 160 .
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân Ngành QTKD của UMT.

Bảng 7. Thang điểm

STT	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt (tính số tín chỉ tích lũy)	9,0 – 10	A	4,0
2		8,5 – 8,9	A-	3,7
3		7,5 – 8,4	B+	3,3
4		7,0 – 7,4	B	3,0

5		6,0 – 6,9	B-	2,7
6		5,5 – 5,9	C+	2,3
7		5,0 – 5,4	C	2,0
8	(Đạt có điều kiện)	4,0 – 4,9	C-	1,7
9	Không đạt	3,0 – 3,9	D+	1,3
10		2,0 – 2,9	D	1,0
11		1,0 – 1,9	D-	0,7
12		00 – 0,9	F	00

Bảng 8. Phân bổ khối kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (tín chỉ)	Ghi chú
I. Kiến thức đại cương	45	
1. Lý luận chính trị	11	Bắt buộc
2. Khoa học xã hội- tự nhiên	5	Bắt buộc
3. Ngoại ngữ	12	Bắt buộc
4. Tin học	3	Bắt buộc
5. Kỹ năng phát triển bền vững	8	Bắt buộc
6. Kiến thức liên ngành	6	Tự chọn
II. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	81	
1. Kiến thức cơ sở ngành	33	Bắt buộc
2. Kiến thức ngành và chuyên ngành	21	Bắt buộc
3. Kiến thức chuyên ngành chính	15	Tự chọn
4. Kiến thức chuyên ngành phụ	15	Tự chọn. Không tích lũy.
5. Học kỳ doanh nghiệp	6	Bắt buộc
6. Khóa luận tốt nghiệp	6	Bắt buộc

b. Danh mục các học phần/môn học trong chương trình đào tạo

Bảng 9. Khung chương trình đào tạo cử nhân Ngành QTKD

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức				Tín chỉ	Bắt buộc/ Tự chọn	Ghi chú
			LT	TH	ĐA	TT			
		I. KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG					45		
		1. Lý luận chính trị					11		
1	CT001	Triết học Mác - Lênin	33	12	0	0	3	BB	
2	CT002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	25	5	0	0	2	BB	
3	CT003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	25	5	0	0	2	BB	
4	CT004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	25	3	0	2	2	BB	

5	CT005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	25	3	0	2	2	BB	
		2. Khoa học Xã hội - Tự nhiên					5		
6	BUS101	Thống kê và phân tích trong kinh doanh	36	9	0	0	3	BB	
7	PL001	Pháp luật đại cương	30	0	0	0	2	BB	
		3. Ngoại ngữ					12		
8	TA001	Anh văn tổng quát 1	15	30	0	0	3	BB	
9	TA002	Anh văn tổng quát 2	15	30	0	0	3	BB	
10	TA003	Anh văn tổng quát 3	15	30	0	0	3	BB	
11	TA005	Anh văn chuyên ngành (Business English)	15	30	0	0	3	BB	
		4. Tin học					3		
12	TH001	Tin học ứng dụng	15	30	0	0	3	BB	
		5. Kỹ năng phát triển bền vững					8		Tích lũy TC (trong đó Kỹ năng tự học và Tư duy phản biện là Bắt buộc; Tự chọn 3 trong 7 học phần còn lại)
13	KN008	Kỹ năng tự học	15	30	0	0	3	BB	
14	KN007	Tư duy phản biện	10	20	0	0	2	BB	
15-17	KN010	Thái độ sống	15	0	0	0	1	TC	
	KN002	Thực tập chuyên hóa cảm xúc		15			1	TC	
	KN009	Kỹ năng thuyết trình		15			1	TC	
	KN005	Lãnh đạo nhóm		15			1	TC	
	KN006	Kỹ năng ra quyết định		15			1	TC	
	KN003	Kỹ năng giao tiếp		15			1	TC	
	KN001	5S và Kaizen		15			1	TC	
18-19		6. Kiến thức liên ngành					6		
	KN004	Khởi nghiệp và Sáng tạo	30	15	0	0	3	TC	Tự chọn 2 trong 5 học phần
	KP004	Hành trình công dân số	30	15	0	0	3	TC	
	KP006	Trí tuệ cảm xúc và phát triển thương hiệu cá nhân	30	15	0	0	3	TC	
	KP001	Học thông qua phục vụ cộng đồng	30	15	0	0	3	TC	
	KP005	Giao tiếp đa văn hóa	30	15	0	0	3	TC	
20		7. Giáo dục thể chất							Chứng chỉ.
	TC004	Khiêu vũ							

	TC002	Bóng đá							Không tích lũy TC
	TC006	Võ Vovinam							
	TC001	Thể hình							
	TC005	Quần vợt							
21		8. Giáo dục quốc phòng						BB	Chứng chỉ. Không tích lũy TC
	QP001-4	Giáo dục quốc phòng							
		II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH					81		
		1. Kiến thức cơ sở ngành					33		
22	BUS102	Kinh tế vi mô	30	15	0	0	3	BB	
23	BUS103	Kinh tế vĩ mô	30	15	0	0	3	BB	
24	BUS104	Phân tích định lượng trong kinh doanh	30	15	0	0	3	BB	
25	ACC101	Nguyên lý kế toán	30	15	0	0	3	BB	
26	MKT101	Nguyên lý Marketing	30	15	0	0	3	BB	
27	BUS105	Quản trị học	30	15	0	0	3	BB	
28	FIN101	Tài chính doanh nghiệp	30	15	0	0	3	BB	
29	BUS106	Hành vi tổ chức	30	15	0	0	3	BB	
30	BUS107	Đạo đức kinh doanh	30	15	0	0	3	BB	
31	BUS108	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	30	15	0	0	3	BB	
32	BUS109	Tâm lý học ứng dụng	30	15	0	0	3	BB	
		2. Kiến thức ngành hoặc chuyên ngành					21		
33	BUS201	Quản trị thương hiệu	30	15	0	0	3	BB	
34	BUS202	Quản trị nguồn nhân lực	30	15	0	0	3	BB	
35	BUS203	Quản trị bán hàng	30	15	0	0	3	BB	
36	BUS204	Quản trị sản xuất	30	15	0	0	3	BB	
37	BUS205	Thương mại điện tử	30	15	0	0	3	BB	
38	BUS206	Thương lượng & Giao tiếp trong kinh doanh	30	15	0	0	3	BB	
39	BUS207	Quản trị chuỗi bán lẻ	30	15	0	0	3	BB	
40-44		3. Kiến thức chuyên ngành chính (tự chọn 1 trong các định hướng chuyên ngành chính)					15		

		3.1 Thương mại điện tử							
	BUS301	Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing)	30	15	0	0	3	BB	
	IB301	Thanh toán điện tử	30	15	0	0	3	BB	
	BUS302	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng trực tuyến	30	15	0	0	3	BB	
	BUS303	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	30	15	0	0	3	BB	
	BUS304	Mô hình kinh doanh thương mại điện tử	30	15	0	0	3	BB	
		3.2 Quản trị khởi nghiệp							
	BUS310	Nghệ thuật lãnh đạo	30	15	0	0	3	BB	
	BUS311	Quản trị chiến lược	30	15	0	0	3	BB	
	BUS312	Quản trị đổi mới sáng tạo	30	15	0	0	3	BB	
	BUS313	Quản trị rủi ro	30	15	0	0	3	BB	
	BUS314	Quản trị dự án	30	15	0	0	3	BB	
45-49		4. Kiến thức chuyên ngành phụ (<i>tự chọn 1 trong các chuyên ngành phụ</i>)					15		SV tự chọn học Chứng chỉ được cấp riêng. Không tích lũy tín chỉ.
	4.1	Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing)					15		
	4.2	Tiếng Anh thương mại					15		
	4.3	Luật kinh tế					15		
50	BUS401	5. Học kỳ doanh nghiệp					6	BB	
51	BUS402	6. Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp					6	BB	
		Tổng cộng					126		

2.2.4 Đề cương chi tiết các môn học (Xem Phụ lục 4 – Phần III. Chương trình đào tạo)

2.2.5 Kế hoạch đào tạo

Kế hoạch đào tạo được thực hiện trong 10 học kỳ (3 học kỳ/năm), kéo dài 3,5 năm, bao gồm học kỳ doanh nghiệp và thực tập tốt nghiệp.

Bảng 10. Kế hoạch học tập

HỌC KỲ 1

STT	Tên môn học	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Anh văn tổng quát 1	3	45		<i>Học 6 tiết/ tuần, kéo dài 15 tuần</i>
2	Anh văn tổng quát 2	3	45	Anh văn tổng quát 1	

3	Kỹ năng tự học	3	45		
4	Hành trình công dân số	3	45		<i>Tự chọn 1 trong 2 học phần</i>
	Trí tuệ cảm xúc và phát triển thương hiệu cá nhân	3	45		
5	Kinh tế vi mô	3	45		
6	Tin học ứng dụng	3	45		
7	Giáo dục thể chất 1	0			
8	Giáo dục quốc phòng 1	0			
Tổng cộng		18			

HỌC KỲ 2

STT	Tên môn học	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Anh văn tổng quát 3	3	45	Anh văn tổng quát 1,2	
2	Pháp luật đại cương	2	30		
3	Thái độ sống	1	15		<i>Tự chọn 1 trong 2 học phần</i>
	Kỹ năng giao tiếp	1	15		
4	Kinh tế vĩ mô	3	45	Kinh tế vi mô	
5	Nguyên lý Marketing	3	45		
6	Giáo dục thể chất 2	0			
7	Giáo dục quốc phòng 2	0		Giáo dục quốc phòng 1	
Tổng cộng		11	0		

HỌC KỲ 3

STT	Tên môn học	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Anh văn chuyên ngành	3	45		
2	Kỹ năng thuyết trình	1	15		<i>Tự chọn 1 trong 2 học phần</i>
	5S Kaizen	1	15		
3	Triết học Mác-Lênin	3	45		
4	Học thông qua phục vụ cộng đồng	3	45		<i>Tự chọn</i>
5	Nguyên lý kế toán	3	45		
6	Quản trị học	3	45		
7	Quản trị thương hiệu	3	45		
8	Giáo dục thể chất 3	0			
9	Giáo dục quốc phòng 3	0		Giáo dục quốc phòng 1, 2	

Tổng cộng		19			
HỌC KỲ 4					
STT	Tên môn học	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Thống kê và phân tích trong kinh doanh	3	45		
2	Thực tập chuyển hóa cảm xúc	1	15		<i>Tự chọn</i>
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		
4	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	45		
5	Hành vi tổ chức	3	45	Quản trị học	
6	Tài chính doanh nghiệp	3	45		
7	Thương mại điện tử	3	45	Marketing căn bản	
Tổng cộng		18			

HỌC KỲ 5

STT	Tên môn học	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Lãnh đạo nhóm	1	15		<i>Tự chọn</i>
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		
3	Tâm lý học ứng dụng	3	45		
4	Đạo đức kinh doanh	3	30		
5	Quản trị bán hàng	3	45		
6	Thương lượng và giao tiếp trong kinh doanh	3	45		
Tổng cộng		15			

HỌC KỲ 6

STT	Tên môn học	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Tư duy phản biện	2	30		
2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	
3	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	45		
4	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	Quản trị học	
5	Quản trị sản xuất	3	45	Quản trị học	
6	Quản trị chuỗi bán lẻ	3	45		
Tổng cộng		16			

HỌC KỲ 7

STT	Tên môn học	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Kỹ năng ra quyết định	1	15		<i>Tự chọn</i>
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	Học kỳ doanh nghiệp	6	90		
Tổng cộng		8			

HỌC KỲ 8

STT	Tên môn học	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Giao tiếp đa văn hóa	3	45		<i>Tự chọn 1 trong 2 học phần</i>
	Khởi nghiệp sáng tạo	3	45		
	Chuyên ngành: Thương mại điện tử				<i>Tự chọn 1 trong 2 định hướng chuyên ngành</i>
2	Marketing kỹ thuật số	3	45		
3	Thanh toán điện tử	3	45		
4	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng trực tuyến	3	45		
	Chuyên ngành: Quản trị khởi nghiệp				
2	Nghệ thuật lãnh đạo	3	45		
3	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	45		
4	Quản trị rủi ro	3	45		
5	Ngành phụ (môn 1)	0	45		<i>Tự chọn định hướng ngành phụ</i>
6	Ngành phụ (môn 2)	0	45		
Tổng cộng		12			

HỌC KỲ 9

STT	Tên môn học	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
	Chuyên ngành: Thương mại điện tử				
1	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	3	45		
2	Mô hình kinh doanh thương mại điện tử	3	45		
	Chuyên ngành: Quản trị khởi nghiệp				
1	Quản trị chiến lược	3	45		
2	Quản trị dự án	3	45		
3	Ngành phụ (môn 3)	0	45		

4	Ngành phụ (môn 4)	0	45		
5	Ngành phụ (môn 5)	0	45		
Tổng cộng		18			

HỌC KỲ 10

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	6	90		

III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

3.1 Đề nghị của cơ sở đào tạo

Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành QTKD của Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM (UMT) đáp ứng đầy đủ các điều kiện mở ngành/chuyên ngành đào tạo quy định trong Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo do Bộ trưởng ký và có hiệu lực từ ngày 10/10/2017. Toàn bộ nội dung hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo đã được đưa lên trang web của Trường tại địa chỉ: www.umat.edu.vn.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn rất lớn về đào tạo người lao động có kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý hiện nay, UMT đăng ký mở Ngành QTKD trình độ đại học.

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận cho UMT được triển khai đào tạo Ngành QTKD từ năm học 2022-2023.

3.2 Cam kết triển khai thực hiện

Trường đã chuẩn bị chu đáo từ chương trình đào tạo đến cơ sở vật chất, nhất là đội ngũ giảng viên để sẵn sàng cho việc mở và đào tạo ngành QTKD. Trong tương lai, UMT tiếp tục đầu tư mạnh về cơ sở vật chất, chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên chất lượng cao và các chương trình hợp tác quốc tế nhằm luôn đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Đào tạo;
- Lưu: VT, Khoa KD.

(đã ký và đóng dấu)

TS. Huỳnh Bá Lân